

Số: 1794 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói:
Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất
bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ
Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-
Km18+200) - Lần 2**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ văn bản số 1356/ĐLTKV-KH ngày 16/5/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-ĐN5 ngày 19/5/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;;

Căn cứ biên bản kiểm tra hiện trường ngày 10/11/2025 Về việc kiểm tra tình trạng đất đá phía trên các cơ, mái taluy dọc đường giao thông tuyến 2 và tuyến 3; Đất đá từ mặt cơ 483, khe tụ thủy hạ lưu 1 vai phải đập dâng bị xói lở trôi xuống lấp đầy hố ga, rãnh thoát nước;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 17/11/2025 về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 2.

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 18/11/2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói:
Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất bồi

lắp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 2 với những nội dung chính sau:

1. Tên hạng mục: Phòng chống lụt bão 2025.
2. Gói cung cấp: Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lắp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 2.
3. Giá trị dự toán: **584.726.025 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng). Chi tiết như dự toán đính kèm.
4. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2025
5. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.
6. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025
7. Loại hợp đồng: Trọn gói
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu tổ chức thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu đúng theo quy định hiện hành. Giao cho phòng Kỹ thuật An toàn giám sát nghiệm thu theo quy định.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang Websites TKV (để đăng tải)
- Trang Websites ĐLTKV (để đăng tải)
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐT.VT.Tr(07)

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN
HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2025
MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP Rãnh THOÁT NƯỚC (VAI PHẢI ĐẬP DĂNG; ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 2 TỪ
KM13+267-:-KM14+732 VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ KM2+0,00-:-KM18+200) - LẦN 2
(Kèm theo quyết định số 1794/QĐ-ĐN5 ngày 19 tháng 11 năm 2025)

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước vai phải đập dâng	Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:- Km14+732	Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:- Km18+200	Tổng cộng	Ký hiệu
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP						
1	Chi phí vật liệu	A1					VL
2	Chi phí nhân công	B1	182.896.829	132.650.773	113.020.710	428.568.312	NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	M1+M2+M3		16.556.946	22.182.123	38.739.069	M
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	182.896.829	149.207.719	135.202.833	467.307.381	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP						
1	Chi phí chung	T x 6,2%	11.339.603	9.250.879	8.382.576	28.973.058	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	2.011.865	1.641.285	1.487.231	5.140.381	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	3.657.937	2.984.154	2.704.057	9.346.148	TT
	Chi phí gián tiếp	C+LT+TT	17.009.405	13.876.318	12.573.864	43.459.587	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+GT) x 6%	11.994.374	9.785.042	8.866.602	30.646.018	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T+GT+TL	211.900.608	172.869.079	156.643.299	541.412.986	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 8%	16.952.049	13.829.526	12.531.464	43.313.039	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	228.852.657	186.698.605	169.174.763	584.726.025	GXD

Bảng chữ: Năm trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng

ĐƠN VỊ
TỔNG
CỘNG

PHỤ LỤC 1.1. BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG
HÀNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2025
MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÁNH THOÁT NƯỚC VAI PHẢI ĐẬP DĂNG

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
I		PHÁT QUANG CÂY CỎ MẶT CƠ, ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÁNH THOÁT NƯỚC VAI PHẢI ĐẬP DĂNG TỪ CƠ 293M ĐẾN CƠ 483M								
1	AB.11113	Đào bùn lẫn sỏi, đá bằng thủ công, loại bùn lẫn sỏi đá trong mọi điều kiện	m3	189,942		422.203			80.194.082	
2	AB.11123	Vận chuyển bùn lẫn sỏi đá các loại bằng thủ công tiếp 200 m	m3	189,942		341.906			64.942.309	
3	SC.37201	Phát quang cây cỏ trên mặt cơ	m2	6.043,604		6.248			37.760.438	
		Tổng cộng							182.896.829	

703
NG
Y E
N
K
T

PHỤ LỤC 1.2. BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2025

MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÃNH THOÁT NƯỚC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 2 TỪ KM13+267--KM14+732

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
1	AB.11502	Đào nạo vết rãnh thoát nước bị bồi lấp đất cấp II bằng thủ công	m3	469,84		282.332		-	132.650.773	-
2	AB.41432	Vận chuyển đất cự ly $\leq 1000m$ bằng ôtô tự đổ 10 tấn đất cấp II	m3	4,70			1.586.522	-	-	7.456.655
3	AB.42132	Vận chuyển tiếp cự ly 100m bằng ôtô tự đổ 10 tấn đất cấp II (ĐG*0,1)	100 m3	4,70			606.551	-	-	285.079
4	AB.34110	San đất bãi thải bằng máy ủi 110CV	100 m3	4,70			1.875.577	-	-	8.815.212
		Tổng cộng						-	132.650.773	16.556.946

PHỤ LỤC 1.3. BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG

HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2025

MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÁNH THOÁT NƯỚC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ KM2+0,00--KM18+200

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
1	AB.11502	Đào nạo vết rãnh thoát nước bị bồi lấp đất cấp II bằng thủ công	m3	418,40		270.126		-	113.020.710	-
2	AB.41432	Vận chuyển đất cự ly <=1000m bằng ô tô tự đổ 10 tấn đất cấp II	100 m3	4,18			1.580.402	-	-	6.606.080
3	AB.42132	Vận chuyển tiếp cự ly 5.000m bằng ô tô tự đổ 10 tấn đất cấp II (ĐG*5)	100 m3	4,18			604.211	-	-	12.628.005
4	AB.42232	Vận chuyển tiếp cự ly 1.100m bằng ô tô tự đổ 10 tấn đất cấp II (ĐG*1,1)	100 m3	4,18			485.013	-	-	2.230.089
5	AB.34110	San đất bãi thải bằng máy ủi 110CV	100 m3	4,18			171.758	-	-	717.949
		Tổng cộng						-	113.020.710	22.182.123

PHỤ LỤC SỐ 02: PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2025

MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÃNH THOÁT NƯỚC (Vai phải đập dâng; ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 2 TỪ KM13+267-:-KM14+732 VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ KM2+0,00-:-KM18+200) - LẦN 2
(Kèm theo quyết định số 1794 /QĐ-ĐN5 ngày 19 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Thi công Hàng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+267-:-Km14+732 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 2	584.726.025	Chi phí SXKD năm 2025	Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2025	Trọn gói	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
	Tổng cộng	584.726.025						